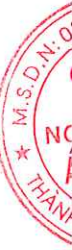




CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3-4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5-6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 26

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		168.418.600.761	206.873.726.037
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	32.516.987.075	162.072.767.298
111	▪ Tiền		4.388.767.897	5.492.711.159
112	▪ Các khoản tương đương tiền		28.128.219.178	156.580.056.139
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	29.883.100.345
123	▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	29.883.100.345
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		135.803.091.911	14.633.757.469
131	▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	16.731.582.225	12.558.373.796
132	▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	58.132.643.323	53.610.333
136	▪ Phải thu ngắn hạn khác	6	60.938.866.363	2.021.773.340
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		98.521.775	284.100.925
151	▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	10	98.521.775	95.656.145
152	▪ Thuế GTGT được khấu trừ		-	188.444.780
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.398.217.069.293	2.154.087.756.866
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		150.094.000	150.094.000
216	▪ Phải thu dài hạn khác	6	150.094.000	150.094.000
220	II. Tài sản cố định		1.271.747.221	2.178.789.722
221	▪ Tài sản cố định hữu hình	7	1.161.747.221	2.178.789.722
222	- Nguyên giá		1.901.040.909	3.230.561.818
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(739.293.688)	(1.051.772.096)
227	▪ Tài sản cố định vô hình	8	110.000.000	-
228	- Nguyên giá		110.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		395.800.000	395.800.000
242	▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		395.800.000	395.800.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		2.391.082.583.396	2.151.265.336.889
251	▪ Đầu tư vào công ty con	9	2.394.418.024.316	2.114.535.024.316
254	▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	9	(3.335.440.920)	(3.335.440.920)
255	▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	40.065.753.493
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.316.844.676	97.736.255
261	▪ Chi phí trả trước dài hạn	10	5.316.844.676	97.736.255
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.566.635.670.054	2.360.961.482.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.466.696.474	9.029.664.668
310	I. Nợ ngắn hạn		17.466.696.474	9.029.664.668
311	▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	11	490.346.389	26.170.035
313	▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	12	852.398.479	298.525.775
315	▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.980.035.320	3.931.658.114
318	▪ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.012.910.271
319	▪ Phải trả ngắn hạn khác	14	8.978.610	6.365.710
322	▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi		14.134.937.676	3.754.034.763
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.549.168.973.580	2.351.931.818.235
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.549.168.973.580	2.351.931.818.235
411	▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	▪ Thặng dư vốn cổ phần	15.1	174.000.000.000	174.000.000.000
421	▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.1	669.155.993.580	471.918.838.235
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		471.918.838.235	294.480.805.376
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		197.237.155.345	177.438.032.859
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.566.635.670.054	2.360.961.482.903



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	16.1	15.492.205.764	11.416.703.451	15.492.205.764	11.416.703.451
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần	16.1	15.492.205.764	11.416.703.451	15.492.205.764	11.416.703.451
11	4. Giá vốn hàng bán	17	(6.914.391.836)	(7.480.143.599)	(6.914.391.836)	(7.480.143.599)
20	5. Lợi nhuận gộp		8.577.813.928	3.936.559.852	8.577.813.928	3.936.559.852
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	1.313.186.630	12.098.221.945	216.386.384.620	169.631.487.101
22	7. Chi phí tài chính	18	-	15.057.119	-	15.111.902.017
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(1.032.602.919)	966.903.284	(17.587.738.294)	(11.141.916.592)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.858.397.639	17.016.742.200	207.376.460.254	177.538.032.378
31	11. Thu nhập khác	20	143.281.447	181	241.598.427	481
32	12. Chi phí khác	20	(423)	-	(423)	(100.000.000)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
40	13. Lợi nhuận khác	20	143.281.024	181	241.598.004	(99.999.519)
50	14. Lợi nhuận thuần trước thuế		9.001.678.663	17.016.742.381	207.618.058.258	177.438.032.859
60	17. Lợi nhuận sau thuế		9.001.678.663	17.016.742.381	207.618.058.258	177.438.032.859



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		207.618.058.258	177.438.032.859
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	▪ Khấu hao TSCĐ	8	504.094.667	531.140.024
03	▪ Các khoản dự phòng	18	-	(15.111.902.017)
05	▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	16.1;20	(216.627.982.241)	(169.631.487.101)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.505.829.316)	(6.774.216.235)
09	▪ (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(88.480.947.133)	(11.800.551.169)
11	▪ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(930.960.836)	1.071.648.023
12	▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(5.221.974.051)	47.049.676
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(103.139.711.336)	(17.456.069.705)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	▪ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(110.000.000)	(658.130.000)
22	▪ Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		754.545.455	-
23	▪ Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(188.000.000.000)	(70.065.680.957)
24	▪ Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		257.948.817.565	50.116.827.119
25	▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(279.883.000.000)	-
27	▪ Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		182.873.568.093	170.170.499.789
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.416.068.887)	149.563.515.951

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(129.555.780.223)	132.107.446.246
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	162.072.767.298	29.965.321.052
61	▪ Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	32.516.987.075	162.072.767.298



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 35).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó:

Công ty con bao gồm:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. ACC có trụ sở chính tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 96,34% phần vốn chủ sở hữu và 96,34% quyền biểu quyết trong ACC.

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 64,01% phần vốn chủ sở hữu và 64,01% quyền biểu quyết trong AFI.

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long, giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 73,42% phần vốn chủ sở hữu và 73,42% quyền biểu quyết trong ACP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần APIS ("APIS")***

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính tại Lô số 18A VSIP II - A, đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 76,96% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS.

▶ ***Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")***

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính tại Lô C-9F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFC là sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC.

▶ ***Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")***

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 65% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS.

▶ ***Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")***

AIC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính tại Phòng số 4 tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 99,98% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd (ACC PTE)**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 96,34% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE.

▶ **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 91,52% phần vốn chủ sở hữu và 95% quyền biểu quyết trong AHC.

▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 06 năm 2022 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 99,18% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC.

▶ **Công ty Cổ phần ARC Bình Dương ("ARC")**

ARC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702831258 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019. ARC có trụ sở chính đăng ký tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ARC là dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2022, AIG đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương ứng với 64% tỷ lệ sở hữu trong ARC cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI") theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 3 năm 2022. Theo đó, Công ty đã không còn nắm quyền sở hữu và kiểm soát ARC từ thời điểm trên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 63,98% tỷ lệ sở hữu và 64,00% quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty liên doanh:

▶ ***Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")***

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 04 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH.

Công ty liên kết:

▶ ***Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào ("TVH")***

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008. TVH có trụ sở chính tại Thông Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH.

▶ ***Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")***

ACI là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 04 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và thuyết minh số 7. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Tiền mặt	64.959.000	4.144.000
Tiền gửi ngân hàng	4.323.808.897	5.488.567.159
Các khoản tương đương tiền	28.128.219.178	156.580.056.139
Tổng cộng	32.516.987.075	162.072.767.298

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 22)	16.731.582.225	12.558.373.796
Tổng cộng	16.731.582.225	12.558.373.796
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	16.731.582.225	12.558.373.796

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Trả trước cho các công ty khác	58.132.643.323	53.610.333
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu công Nghiệp Viglacera Yên Mỹ</i>	57.154.416.040	-
<i>Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Cánh Cam</i>	-	44.000.000
<i>Công ty TNHH Giải pháp Thương hiệu ADINA Việt Nam</i>	-	7.920.000
<i>Các công ty khác</i>	978.227.283	1.690.333
Tổng cộng	58.132.643.323	53.610.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cho vay	132.118.086	850.737.557
Tạm ứng cho nhân viên	3.064.464.000	711.287.001
Phải thu cổ tức công ty con (Thuyết minh 22)	33.218.562.000	-
Đặt cọc	22.861.766.416	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.661.955.861	459.748.782
Tổng cộng	<u>60.938.866.363</u>	<u>2.021.773.340</u>
Dài hạn		
Đặt cọc	150.094.000	150.094.000
Tổng cộng	<u>150.094.000</u>	<u>150.094.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>27.870.398.363</i>	<i>2.171.867.340</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 22)</i>	<i>33.218.562.000</i>	<i>-</i>

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	
	<i>Phương tiện vận tải</i>	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		3.230.561.818
Thanh lý tài sản		<u>(1.329.520.909)</u>
Số dư cuối năm		<u>1.901.040.909</u>
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm		1.051.772.096
Khấu hao		504.094.667
Thanh lý tài sản		<u>(816.573.075)</u>
Số dư cuối năm		<u>739.293.688</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		2.178.789.722
Tại ngày cuối năm		<u><u>1.161.747.221</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>TSCĐ Khác</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Mua trong năm	110.000.000
Số dư cuối năm	<u>110.000.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	<u>110.000.000</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

9. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Hoá chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34%	718.020.621.828	96,34%	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01%	503.512.000.000	64,01%	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42%	324.513.000.000	73,42%	233.613.000.000
Công ty Cổ phần Apis	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96%	128.067.500.000	76,96%	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00%	37.900.000.000	100,00%	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản...	Đang hoạt động	65,00%	202.505.902.488	65,00%	202.505.902.488
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98%	358.899.000.000	99,98%	290.916.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Đang hoạt động	99,18%	121.000.000.000		
TỔNG CỘNG				2.394.418.024.316		2.114.535.024.316
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(3.335.440.920)		(3.335.440.920)
ĐẦU TƯ THUẬN				2.391.082.583.396		2.111.199.583.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	72.328.897	-
Chi phí bảo hiểm	21.784.547	91.276.145
Chi phí khác	4.408.331	4.380.000
Tổng Cộng	98.521.775	95.656.145
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	88.144.559	78.234.356
Chi phí khác	5.228.700.117	19.501.899
Tổng Cộng	5.316.844.676	97.736.255

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Phải trả các công ty khác	489.907.909	20.386.035
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	-	4.075.795
<i>Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nhị Gia</i>	-	14.325.950
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam</i>	326.700.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phan Đăng</i>	87.526.656	-
<i>Khác</i>	75.681.253	1.984.290
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 22)	438.480	5.784.000
Tổng cộng	490.346.389	26.170.035

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31/12/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31/12/2022
Phải nộp				
Thuế GTGT	-	284.521.303	-	284.521.303 ¹
Thuế thu nhập cá nhân	298.525.775	3.329.264.972	(3.059.913.571)	567.877.176
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Khác	-	-	-	-
Tổng cộng	298.525.775	3.616.786.275	(3.062.913.571)	852.398.479¹

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Lương mềm và lương tháng 13	1.792.000.000	3.756.177.000
Khác	188.035.320	175.481.114
Tổng cộng	<u>1.980.035.320</u>	<u>3.931.658.114</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Phải trả khác	8.978.610	6.365.710
Tổng cộng	<u>8.978.610</u>	<u>6.365.710</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.706.012.980.000	174.000.000.000	294.480.805.376	2.174.493.785.376
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	177.438.032.859	177.438.032.859
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>471.918.838.235</u>	<u>2.351.931.818.235</u>
Năm nay				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.706.012.980.000	174.000.000.000	471.918.838.235	2.351.931.818.235
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	207.618.058.258	207.618.058.258
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(10.380.902.913)	(10.380.902.913)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>669.155.993.580</u>	<u>2.549.168.973.580</u>

15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Doanh thu gộp	15.492.205.764	11.416.703.451
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ	15.492.205.764	11.416.703.451
Doanh thu thuần	15.492.205.764	11.416.703.451
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	-	-
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 22)	15.492.205.764	11.416.703.451

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Lãi tiền gửi	1.719.905.281	2.966.247.951
Lãi tiền cho vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	1.124.575.342	1.020.369.861
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	4.545.411.997	1.090.711.289
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.996.492.000	164.554.158.000
Tổng cộng	216.386.384.620	169.631.487.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Giá vốn dịch vụ cung cấp	6.914.391.836	7.480.143.599
Tổng cộng	6.914.391.836	7.480.143.599

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Trích/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(15.111.902.017)
Tổng cộng	-	(15.111.902.017)

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.587.738.294	11.141.916.592
Chi phí lương	10.910.077.892	8.574.111.161
Chi phí khấu hao và hao mòn	504.094.667	531.140.024
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	444.898.961	359.360.665
Chi phí khác	5.728.666.774	1.677.304.742
Tổng cộng	17.587.738.294	11.141.916.592

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Thu nhập khác	241.598.427	481
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	241.597.621	-
Khác	806	481
Chi phí khác	423	100.000.000
Khác	423	100.000.000
Lợi nhuận khác thuần	241.598.004	(99.999.519)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	VND Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	207.618.058.258	177.438.032.859
<i>Thuế suất là 20% áp dụng cho Công ty</i>	41.523.611.652	35.487.606.572
Chi phí không được trừ	674.714.809	543.423.940
Kết chuyển lỗ năm trước	(399.028.061)	(3.120.198.912)
Thu nhập không chịu thuế	(41.799.298.400)	(32.910.831.600)
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức thực nhận	50.000.000.000	154.548.758.000
		Cổ tức được chia	83.218.562.000	154.548.758.000
		Cho vay	73.000.000.000	-
		Nhận gốc cho vay	73.000.000.000	-
		Lãi cho vay phát sinh	666.082.192	-
		Nhận lãi cho vay	666.082.192	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Mua hàng	19.445.371	32.517.603
		Góp vốn	90.900.000.000	-
		Cổ tức thực nhận	36.360.000.000	-
		Cổ tức được chia	36.360.000.000	-
		Nhận gốc cho vay	-	50.000.000.000
		Lãi cho vay phát sinh	-	1.020.369.861
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.096.490.148	7.273.293.871
		Nhận lãi cho vay	-	1.376.534.245
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	28.460.140	61.580.905
		Cổ tức được chia	-	10.005.400.000
		Cổ tức thực nhận	-	10.005.400.000
		Cho vay	20.000.000.000	-
		Nhận gốc cho vay	20.000.000.000	-
		Lãi cho vay phát sinh	124.657.534	-
		Nhận lãi cho vay	124.657.534	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Mua TSCĐ	-	250.000.000
		Bán TSCĐ	300.000.000	-
		Cổ tức được chia	50.927.500.000	-
		Cổ tức thực nhận	50.927.500.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.395.715.616	4.143.409.580
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu	Công ty con	Góp vốn	67.983.000.000	-
		Cổ tức được chia	38.490.430.000	-
		Cổ tức thực nhận	38.490.430.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Công ty con	Lãi cho vay phát sinh	333.835.616	-
		Nhận lãi cho vay	333.835.616	-
		Góp vốn	121.000.000.000	-
		Cho vay	95.000.000.000	-
		Nhận gốc cho vay	95.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Bán TSCĐ	454.545.455	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31/12/2022</i>	<i>Ngày 31/12/2021</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu từ cung cấp dịch vụ</i>					
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.827.372.865	4.557.750.538	
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.904.209.360	8.000.623.258	
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	33.218.562.000	-	
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	438.480	3.840.001	
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Mua hàng	-	1.943.999	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021</i>	<i>VND</i>
Lương và lương mềm	4.736.111.111	2.814.234.667	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Quý IV/2022

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Trong vòng 01 năm	72.328.897	867.946.764
Trên 01 năm đến 05 năm	-	795.617.867
Tổng cộng	72.328.897	1.663.564.631



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023